

TÌNH TRẠNG THÔI HỌC CỦA SINH VIÊN HIỆN NAY VÀ MỘT SỐ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP

● ĐẶNG THI SEN - TRẦN HẬU HÙNG

TÓM TẮT:

Tình trạng sinh viên thôi học ở các cơ giáo dục đại học không còn mới, nhưng có những ảnh hưởng nhất định đến chất lượng của các cơ sở giáo dục đại học (GDĐH) và bản thân sinh viên (SV). Việc thôi học của SV còn ảnh hưởng đến xác định chỉ tiêu của từng cơ sở GDĐH và công tác quản lý của các khoa chuyên ngành và của cơ sở GDĐH. Bài nghiên cứu này sẽ trình bày và phân tích những nguyên nhân dẫn đến thôi học và đề xuất một số biện pháp khắc phục tình trạng buộc thôi học hiện nay đối với sinh viên các cơ sở GDĐH.

Từ khóa: sinh viên, thôi học, buộc thôi học, ảnh hưởng của thôi học, các cơ sở giáo dục đại học.

1. Đặt vấn đề

Theo số liệu của Bộ Giáo dục và Đào tạo, cả nước hiện có 237 trường đại học, trong đó có 172 trường đại học công lập, 65 trường ngoài công lập. Số SV tại các cơ sở GDĐH trong vòng 5 năm qua (từ năm 2015-2020) có sự biến động đáng kể. Nhìn chung, số lượng SV có chiều hướng gia tăng hàng năm, tuy nhiên số SV tốt nghiệp tại các cơ sở GDĐH qua các năm lại có chiều hướng giảm. Cụ thể, năm 2015, tại các cơ sở GDĐH công lập đã có khoảng 307,8 nghìn SV; đến năm 2020, số SV tốt nghiệp chỉ đạt 209 nghìn SV (giảm 47,27%). Việc giảm quy mô của SV có nhiều nguyên nhân, trong đó không loại trừ nguyên nhân SV bị cảnh báo học tập. Theo Điều 11 Quy chế đào tạo trình độ đại học ban hành kèm Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT quy định, đối với chương trình đào tạo theo tín chỉ, cuối mỗi học kỳ chính, SV được cảnh báo học tập dựa trên các điều kiện sau: (i) Tổng

số tín chỉ không đạt trong học kỳ vượt quá 50% khối lượng đã đăng ký học trong học kỳ, hoặc tổng số tín chỉ nợ đọng từ đầu khóa học vượt quá 24; (ii) Điểm trung bình học kỳ đạt dưới 0,8 đối với học kỳ đầu của khóa học, dưới 1,0 đối với các học kỳ tiếp theo; (iii) Điểm trung bình tích lũy đạt dưới 1,2 đối với SV trình độ năm thứ nhất, dưới 1,4 đối với SV trình độ năm thứ hai, dưới 1,6 đối với SV trình độ năm thứ ba, dưới 1,8 đối với SV các năm tiếp theo. Bên cạnh đó, nếu bị cảnh báo học tập nhiều lần, SV sẽ bị buộc thôi học trong các trường hợp: (i) Số lần cảnh báo học tập hoặc mức cảnh báo học tập vượt quá giới hạn theo quy định của cơ sở đào tạo; (ii) Thời gian học tập vượt quá giới hạn được quy định trong quy chế của cơ sở đào tạo.

Việc SV bị cảnh báo học tập không những ảnh hưởng đến chất lượng của cơ sở giáo dục đại học, mà còn ảnh hưởng đến bản thân của SV; đối với

buộc thôi học còn ảnh hưởng đến xác định chỉ tiêu của từng cơ sở giáo dục đại học và công tác quản lý của các khoa chuyên ngành và của cơ sở GDĐH. Do đó bài nghiên cứu này sẽ phân tích các nguyên nhân và đề xuất các giải pháp tăng cường các hoạt động khắc phục tình trạng buộc thôi học của sinh viên tại các cơ sở GDĐH.

2. Nguyên nhân dẫn đến việc sinh viên thôi học ở các cơ sở giáo dục đại học

Thứ nhất, sự thay đổi môi trường sống, học tập. Vào đại học, SV phải thay đổi tư duy, học cách sống tự lập, tự quyết định mọi công việc của mình và phải tự chịu trách nhiệm về mọi hành động của bản thân. Trước những thay đổi khi bước vào cuộc sống tự lập, có SV nhanh chóng hòa nhập, tích cực làm quen với bạn bè mới, tham gia các hoạt động xã hội để hòa đồng với mọi người, từ đó cuộc sống của họ trở nên lạc quan, vui vẻ. Nhưng có những SV lại ngại tiếp xúc, chậm thay đổi, thích ứng, sống co ro, khép mình lại, trở nên lạc lõng trong tập thể. Và cũng có những SV hình thành cách sống dễ dãi, không có mục đích, không có lý tưởng, sa vào ham mê chơi game, cờ bạc hay là những mối quan hệ phức tạp, bỏ bê việc học hành.

Thứ hai, chuyển đổi phương pháp dạy và học. Việc chuyển từ học phổ thông sang đại học cũng khiến cho những tân SV gặp nhiều khó khăn. Với SV năm thứ nhất, nhiều SV bị sốc vì chưa thích nghi với chương trình, với cách học mới, cách dạy mới. Vào đại học, SV phải tự tìm tài liệu, tự đọc, để bổ sung kiến thức cho mình. Ở đại học không có chế độ kiểm tra thường xuyên, nên nhiều SV chủ quan, dẫn tới chểnh mảng việc học hành. Hiện tượng SV năm thứ nhất bị stress trong thời kỳ đầu vào đại học là hết sức phổ biến và ở những mức độ khác nhau. Còn với SV năm thứ 2, 3 và 4, việc học chưa hẳn đã suôn sẻ, nhiều SV không xác định được, hoặc xác định không đúng phương châm, phương pháp học tập, không biết cách sắp xếp thời gian cho khoa học... dẫn đến thi rớt, nợ môn, cảnh báo học tập..., tạo tâm lý chán nản, sa vào ăn chơi, đua đòi...

Thứ ba, phương thức tuyển sinh hiện nay. Trước đây, các cơ sở GDĐH chỉ tuyển sinh 1 nguyện

vọng. Gần đây, việc tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép thí sinh được đăng ký nhiều nguyện vọng hơn, nhiều hình thức tuyển sinh hơn (dựa vào học bạ, dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT quốc gia,...). Cách tuyển sinh này làm gia tăng khả năng trúng tuyển vào đại học của các thí sinh, nhưng cũng có mặt trái là SV không yêu thích ngành mình được học. Từ đó, thành tích học tập kém là điều hiển nhiên.

Thứ tư, khó khăn về tài chính/học phí, đây cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến SV buộc thôi học. Thực tế tại các cơ sở GDĐH cho thấy một số SV gặp khó khăn tài chính không thể tiếp tục học tập. Điều này, ít nhiều có tác động khá lớn đến cuộc sống của những tân SV mới bỏ ngõ bước vào môi trường đại học, phải học cách tự lập, tự chăm lo cho bản thân mình. Với các SV có hoàn cảnh khó khăn, số tiền cha mẹ cho không đủ chi phí, các SV phải đi làm thêm để có thêm thu nhập trang trải cho cuộc sống học hành, nên cũng phần nào làm ảnh hưởng đến thời gian và kết quả học tập. Với những “cậu ấm, cô chiêu” đã quen ăn tiêu hoang phí thì việc xa gia đình đi học chẳng khác nào “chuyện chim sổ lồng”. Những chốn ăn chơi nơi thành phố, các trò game nhập vai hấp dẫn khiến việc học hành bị bỏ bê là điều không thể tránh khỏi.

Ngoài các lý do SV bỏ học được phân tích ở trên, còn có nhiều lý do khác, như: đi du học, đi xuất khẩu lao động,... Từ các lý do trên cho thấy SV buộc thôi học suy cho cùng đó chính là lãng phí xã hội. Với bản thân SV, phải dừng việc học, buộc thôi học chuyển sang hướng khác cũng là thiệt thòi cho chính bản thân, cả gia đình và cả việc tính toán chỉ tiêu của các cơ sở GDĐH.

3. Đề xuất các giải pháp tăng cường các hoạt động khắc phục tình trạng buộc thôi học của sinh viên tại các cơ sở giáo dục đại học

Thứ nhất, nâng cao chất lượng công tác cố vấn học tập.

(i) Nhà trường cần xác định rõ vai trò, nhiệm vụ của đội ngũ làm công tác cố vấn học tập. Trên cơ sở đó, định kỳ tổ chức, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện theo các tiêu chuẩn đã được xác định.

(ii) Xây dựng hệ thống văn bản, quy trình hoạt động cố vấn học tập, xây dựng đề cương chi tiết môn học để làm cơ sở hoàn thiện chương trình và kế hoạch đào tạo, giúp cho công tác cố vấn học tập được triển khai theo đúng mục tiêu, kế hoạch.

(iii) Hoạt động cố vấn học tập không thể đạt hiệu quả tốt nếu như các điều kiện về cơ sở vật chất của nhà trường không được đảm bảo, đặc biệt là các phòng phục vụ cho công tác thường xuyên của đội ngũ cố vấn học tập: tư vấn, chia sẻ, trao đổi, lưu trữ hồ sơ.

(iv) Quan tâm đẩy mạnh việc bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ kỹ năng công tác đội ngũ cố vấn học tập, đặc biệt là khả năng sử dụng thành thạo tin học, kỹ năng tư vấn hỗ trợ, kỹ năng giải quyết vấn đề... để đáp ứng yêu cầu công tác ngày càng cao.

(v) Tăng cường chăm lo, hỗ trợ các điều kiện vật chất và tinh thần cho các cố vấn học tập thông qua việc ghi nhận, biểu dương kịp thời để đội ngũ cố vấn học tập có thêm niềm say mê, nhiệt huyết làm cho hiệu quả và chất lượng công tác ngày một nâng cao.

(vi) Định kỳ phối hợp với các Phòng/ban và các đơn vị chức năng trong trường như: Phòng Công tác sinh viên, Đoàn Thanh niên - Hội sinh viên tổ chức các buổi Hội thảo chuyên đề, trao đổi kinh nghiệm về hoạt động giảng dạy, học tập nhằm tổng kết đánh giá và định hướng công tác tư vấn, cố vấn học tập cho SV trong điều kiện học chế tín chỉ. Chú trọng công tác tuyên truyền, giáo dục giúp cho SV nâng cao ý thức tự giác, tinh thần thái độ học tập nghiêm túc, nắm vững quy trình quy chế để thuận tiện đăng ký khối lượng học tập hiệu quả nhất.

Thứ hai, giải pháp giúp SV lập kế hoạch học tập hiệu quả.

Qua nghiên cứu tổng quan và thực trạng việc lập kế hoạch học tập của SV, nghiên cứu cho rằng giúp SV lập kế hoạch học tập hiệu quả như sau:

Một là, SV cần lập mục tiêu học tập cụ thể, rõ ràng ngay từ khi bắt đầu trở thành SV đại học, chẳng hạn: học lực, xếp loại giỏi, đạt điểm trung bình trung 3.2; trình độ ngoại ngữ, sử dụng thành thạo ngôn ngữ tiếng Anh, đạt IELTS 6.5; Có khả

năng thuyết trình trước đám đông, lãnh đạo đội nhóm... Sau đó, căn cứ vào mục tiêu lớn này sẽ cụ thể hóa thành các mục tiêu nhỏ phải đạt được trong từng năm, tháng, tuần. Ví dụ học lực kỳ thứ nhất hoàn thành 18 tín chỉ đạt điểm trung bình 3.0; năm thứ nhất đạt trình độ tiếng Anh IELTS 3.5... Các mục tiêu cụ thể này sẽ là cơ sở quan trọng để xây dựng kế hoạch học tập cho từng năm, từng kỳ, từng tuần, từng ngày, từng môn học, từng hoạt động để đạt được mục tiêu đề ra.

Hai là, mỗi SV cần phân tích thói quen học tập và phong cách học tập hiện tại, nên tự đánh giá xem mình có hứng thú học tập và hiệu quả nhất vào thời điểm, hoàn cảnh nào? hay mắc lỗi hoặc kém tập trung nhất khi nào để không đặt việc học tập vào tình huống đó, sử dụng hoàn cảnh tình huống học tập không hiệu quả đó cho việc rèn luyện thể lực, giải trí, thư giãn, giao tiếp với bạn bè,...

Ba là, lập lịch trình, cần xác định rõ mục tiêu học tập của từng kỳ, sẽ hoàn thành bao nhiêu tín chỉ để phân tích và lập kế hoạch cho thời gian dành cho học tập trên lớp và tự học ở nhà và thời gian rảnh rỗi cho việc phát triển cá nhân, nghỉ ngơi và thư giãn. Lịch trình cần cụ thể, rõ ràng, bám sát mục tiêu. Lên kế hoạch cho môn học cụ thể vào ngày nào, để đảm bảo dành đủ thời gian cho mỗi môn học. Nếu lịch trình quá bận rộn, có thể phải linh hoạt và sáng tạo khi lập lịch trình học tập.

Bốn là, bám sát và đánh giá lịch trình, duy trì trách nhiệm. Một kế hoạch học tập mang lại hiệu quả cao nhất khi nó được tuân thủ một cách nhất quán và nghiêm túc. Nên cố gắng xây dựng một kế hoạch học tập để tuân theo trong suốt thời gian của mỗi học kỳ. Kế hoạch học tập có thể phải điều chỉnh khi cần thiết chẳng hạn khi chuyển đổi lớp học mỗi học kỳ. Điều quan trọng phải bám sát kế hoạch học tập và đánh giá điều kiện cũng như kết quả của kế hoạch để mang lại hiệu quả cao trong học tập. Nếu thấy kế hoạch học tập đó không hiệu quả, khó thực hiện... có thể thay đổi khi tìm ra điều gì phù hợp nhất với mình.

Năm là, kỹ thuật thiết kế bản kế hoạch học tập. Kế hoạch học tập là lộ trình để đạt được mục tiêu

học tập, bên cạnh nội dung được thiết kế phù hợp cũng cần quan tâm đến hình thức của bản kế hoạch để tạo hứng thú và sự nghiêm túc đối với người thực hiện.

Thứ ba, nâng cao vị trí, vai trò và trách nhiệm của giáo viên chủ nhiệm và các tổ chức đoàn thể.

Vai trò của giáo viên chủ nhiệm và các tổ chức đoàn thể có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc phát hiện và ngăn ngừa tình trạng SV bỏ học. Đặc biệt, vai trò của giáo viên chủ nhiệm rất quan trọng trong việc giáo dục SV. Giáo viên chủ nhiệm là những người gần gũi nhất với SV, là người trực tiếp hướng dẫn và quản lý SV trong suốt cả quá trình học tập. Vì vậy, nâng cao vị trí, vai trò của giáo viên chủ nhiệm trong công tác quản lý SV sẽ có tác động một cách tích cực đến tâm lý, động cơ, hứng thú học tập của SV, qua đó làm giảm tình trạng bỏ học.

Ngoài vai trò của giáo viên chủ nhiệm, chúng ta không thể không nhắc đến vai trò của các tổ chức đoàn thể như Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên,... phải thường xuyên tổ chức những sân chơi lành mạnh cho SV. Những sân chơi đó có thể là tổ chức các buổi giao lưu, trao đổi kinh nghiệm trong học tập, giáo dục kỹ năng sống, tìm hiểu về nghề nghiệp... Đặc biệt, kết hợp cùng với giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập tổ chức cho SV tham gia nghiên cứu khoa học, tự làm các đồ dùng, mô hình học tập phù hợp với từng môn học.

Thứ tư, giúp đỡ SV suy nghĩ về nghề nghiệp trong tương lai, xác định sở thích nghề nghiệp và bắt đầu các bước để có công việc phù hợp.

Để SV nắm rõ về nghề nghiệp của mình có thể được thực hiện ngay trong công tác tư vấn tuyển sinh, công tác hướng nghiệp diễn ra tại các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông. SV sẽ nhận thức được đầy đủ hơn về nghề nghiệp mình đã lựa chọn, như: Xác định được rõ trách nhiệm, mục đích học tập và công việc sau khi ra trường, vun đắp thêm lòng yêu nghề và niềm đam mê công việc đối với SV.

Thứ năm, tổ chức cho SV tham gia các hoạt động trải nghiệm sáng tạo.

Hoạt động trải nghiệm sáng tạo giúp SV có thể

học tập và sinh hoạt theo những giá trị đạo đức, tiếp thu và thực hành những kỹ năng mềm, hội nhập xã hội - chia sẻ và phổ biến kinh nghiệm cho các đối tượng khác nhau, nền tảng và các nhóm dân tộc. Mặt khác, nội dung chương trình học tập năng động sẽ cho SV cơ hội được trải nghiệm: kinh nghiệm trong tự nhiên, học tập tổng hợp một cách sáng tạo; tạo cơ hội cho SV tự tạo nên sản phẩm của mình; kết hợp với giá trị giáo dục và học tập xã hội, cảm xúc; cung cấp cho cơ hội được thưởng thức và vui vẻ.

Thứ sáu, tăng cường chính sách hỗ trợ cho SV.

Để hỗ trợ SV có điều kiện học tập tốt, đồng thời chia sẻ gánh nặng đối với phụ huynh, Nhà nước có rất nhiều chính sách ưu đãi cho SV, tuy nhiên chỉ dành cho những đối tượng nhất định theo quy định của pháp luật. Vì thế, Nhà trường cần tiếp tục kêu gọi các doanh nghiệp, “Mạnh thường quân”, cứu SV tài trợ học bổng cho SV nghèo vượt khó, được vay vốn với lãi suất ưu đãi để hỗ trợ sinh hoạt phí trong suốt thời gian học tập, nhằm khuyến khích động viên SV học tập tốt hơn, hạn chế tình trạng bỏ học giữa chừng.

Tiếp tục tạo điều kiện cho SV có hoàn cảnh khó khăn được học lại, học cải thiện điểm (trong trường hợp không đủ số lượng để mở lớp riêng) với các lớp đang học chính quy tập trung trong giờ hành chính.

Nghiên cứu, thành lập bộ phận trợ giúp tâm lý cho SV đang bị cảnh báo học tập và những SV bỏ học nhiều ngày.

Thứ bảy, xác định đúng đối tượng SV để đề xuất giải pháp thích hợp.

Một là, cần tìm hiểu đối tượng SV. Đây là khâu quan trọng đầu tiên khi bắt đầu đảm nhận công tác chủ nhiệm/ giáo vụ/ cố vấn học tập bất kỳ một lớp học nào, giảng viên phải tìm hiểu đặc điểm tất cả SV, nhưng cần tập trung hơn vào nhóm SV có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn và nhóm SV có ý thức chưa tốt (SV cá biệt).

Ở nhóm SV có hoàn cảnh khó khăn, nên quan tâm, động viên, giúp đỡ bằng nhiều hình thức (tinh thần, quỹ học bổng, hỗ trợ,...) để SV giảm bớt phần nào gánh nặng học phí, để SV thấy được sự yêu

thương, chia sẻ... từ đó hạn chế việc SV bỏ học. Ở nhóm SV cá biệt, cần có biện pháp tác động đến ý thức một cách phù hợp ngay từ đầu để định hướng hành vi, suy nghĩ tích cực cho SV.

Hai là, xây dựng khối đoàn kết trong lớp học. Để xây dựng được khối đoàn kết lớp học, vai trò định hướng của giảng viên chủ nhiệm rất quan trọng. Một trong những cách hiệu quả nhất là xây dựng được phong trào, hoạt động tập thể của lớp. Ví dụ như làm công trình thanh niên, phong trào văn hóa - văn nghệ - thể dục thể thao,... Với những phong trào này, giảng viên cần huy động nhiều nhất có thể số lượng thành viên tham gia, bởi chỉ khi SV cùng sinh hoạt, cùng hoạt động, cùng chia sẻ, cùng vui, cùng buồn với nhau thì mới có thể hiểu nhau, yêu thương nhau, đoàn kết với nhau được và sẽ hạn chế được tình trạng bỏ học giữa chừng.

Ba là, công tác phối hợp với các tổ chức đoàn thể trong, ngoài nhà trường. Giảng viên chủ nhiệm cần chủ động phối hợp với giảng viên giảng dạy, các tổ chức đoàn thể trong, ngoài nhà trường để kịp thời nắm bắt mọi tình hình của SV kịp thời đưa ra những giải pháp xử lý hiệu quả nhất cho mọi tình huống xảy ra.

Bốn là, thực hiện phân loại SV trong lớp để lên kế hoạch bồi dưỡng, tổ chức phụ đạo, giúp đỡ SV yếu kém. Công việc này đòi hỏi nhiều công sức, sự kiên trì và tâm huyết. Do vậy, giảng viên chủ

nhiệm cần chủ động trong việc phối hợp với các giảng viên bộ môn để động viên, giúp đỡ những SV yếu - đối tượng dễ bỏ học nhất - giúp SV hiểu bài hơn, kích thích sự ham học của SV.

Thứ tám, tăng cường sự phối hợp giữa nhà trường với gia đình.

Để làm tốt giải pháp này, giảng viên chủ nhiệm lớp phải sát sao đến kết quả học tập của SV qua từng tháng, kỳ thi; nắm bắt tâm tư nguyện vọng, hoàn cảnh của SV qua các kênh để liên hệ, phối hợp với gia đình trong việc quan tâm giáo dục, động viên con học tập để tránh bị cảnh báo dẫn đến buộc thôi học. Bởi gia đình được xem là nền tảng quan trọng để nuôi dưỡng giá trị đạo đức và tạo ra môi trường hạnh phúc để con cái phát triển.

4. Kết luận

Tình trạng SV ở các cơ sở giáo dục đại học bỏ học không còn là hiện tượng cá biệt, mà ngày càng trở nên phổ biến, điều đó đã làm giảm mục tiêu, cũng như chất lượng đào tạo. Các giải pháp đề xuất nêu trên đều có liên quan đến nhau, tác động qua lại lẫn nhau. Do đó, để tăng hiệu quả thì các giải pháp cần được tiến hành một cách đồng bộ. Để thực hiện được các giải pháp đó, ngoài vai trò chính là Nhà trường còn rất cần sự vào cuộc của toàn xã hội. Cụ thể, đó là sự phối hợp đồng bộ giữa Nhà trường, doanh nghiệp, gia đình, cũng như chính quyền địa phương và bản thân mỗi SV ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2024). Thông tư số 08/TT-BGDĐT ngày 06/6/2024 về việc ban hành quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục mầm non.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2016). Thông tư số 10/2016/TT-BGDĐT ngày 08/6/2016 về Quy chế công tác sinh viên đối với Chương trình Đào tạo đại học hệ chính quy.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2015). Thông tư số 16/2015/TT-BGDĐT ngày 12/8/2015 về Quy chế Đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên hệ chính quy.
4. Thái Duy Tuyên, (1992), Hiện tượng lưu ban, bỏ học: Thực trạng, nguyên nhân, vấn đề và biện pháp, Tạp chí Nghiên cứu giáo dục, số 242, 4-6.
5. Phạm Thanh Bình, (1992), Về nguyên nhân và biện pháp chống bỏ học, Tạp chí Nghiên cứu giáo dục, số 242, 31-32.

Ngày nhận bài: 15/7/2024

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 1/8/2024

Ngày chấp nhận đăng bài: 17/8/2024

Thông tin tác giả:

1. ThS. ĐẶNG THI SEN¹

2. TRẦN HẬU HÙNG¹

¹Trường Đại học Công đoàn

THE CURRENT STUDENT DROPOUT ISSUE AND SOME SOLUTIONS

● Master. DANG THI SEN¹

● TRAN HAU HUNG¹

¹Trade Union University

ABSTRACT:

Student dropout remains a persistent challenge in higher education, with significant implications for both institutions and individual students. The dropout of students also affects the determination of targets for each higher education institutions and the management of faculties. This study investigated the prevalent causes of student dropout and proposed some solutions to mitigate the issue.

Keywords: students, dropout, forced dropout, effects of dropping out, higher education institutions.